

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1507/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2025

V/v “Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thế Hùng

2/ Ông Phạm Nam Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2917/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4661/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1995

Thường trú: 181 P225 Đ, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: số 606/88/21 đường Q, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Lê Đình S - sinh năm 1990

Thường trú: 181 P225 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: số 11/25 Đường 38, Khu phố 26, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Nguyễn Thị T trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 26/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã xét xử vụ án ly hôn giữa bà và ông Lê Đình S. Tại bản án số 2721/2024/HNGĐ-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã quyết định cho ông bà ly hôn và ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Ngọc Thanh L sinh ngày 11/7/2018 và Lê Nguyên B Lâm sinh ngày 11/9/2019, bà cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Bà không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và đã kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/9/2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải, ông S đã viết bản thỏa thuận về việc đón con sau ly hôn. Bà đồng ý với bản thỏa thuận của ông S và đã rút kháng cáo. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 113/2024/QĐ-PT ngày 16/9/2024. Sau đó, bà chỉ được đón con 02 lần vào 02 tuần sau ngày 16/9/2024, sau đó bà không đón con được nữa, kể cả sang nhà ông S cũng không được. Bà đã cố gắng thỏa thuận với ông S về việc thăm nom, đưa đón con nhưng không có kết quả. Từ tháng 5/2022 ông bà đã sống ly thân, do ông S đánh đập bà, không cho bà đưa con theo nên các con mới sống với ông S. Những lần bà đến thăm thì các con không dám chào mẹ, phải nhìn sắc mặt của bà nội và ba thì mới dám đến với mẹ. Mỗi lần bà đến thì gia đình ông S đều chửi bới bà nên bà không đến nữa, chờ Tòa án xét xử. Bà yêu cầu ông S cung cấp cho bà thông tin căn cước công dân của con để bà mua bảo hiểm cho 02 con nhưng ông S cũng không hỗ trợ. Không có người mẹ nào không cần con và cũng không có người con nào mà không cần mẹ. Việc ông S cho rằng chở 02 con đến cho bà thì cũng không ai dám chắc là trên đường đi ông S bảo con không được đi với mẹ. Bà yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Bà có công việc và thu nhập hằng tháng khoảng 30 triệu đồng, tháng nào có thưởng thì thu nhập cao hơn. Ngoài ra, bà còn kinh doanh riêng, thu nhập mỗi tháng từ 40 triệu đồng đến 60 triệu đồng. Nếu được nuôi con, bà sẽ đón mẹ bà từ Hải Dương vào Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ bà chăm con. Bà sẽ là người trực tiếp chăm sóc, đưa đón con đi học, bà ngoại chỉ ở nhà cơm nước và chơi với cháu. Hiện nay bà đang sống 01 mình nên thuê 01 căn nhà nguyên căn diện tích khoảng 60m², bà chưa mua nhà riêng nhưng bà có đủ khả năng tài chính để mua nhà. Nếu được quyền nuôi con thì bà sẽ mua nhà riêng để đảm bảo cho cuộc sống của các con. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Ngọc Thanh L sinh ngày 11/7/2018 và Lê Nguyên B Lâm sinh ngày 11/9/2019. Bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 08/11/2024 và ngày 15/11/2024 bà có đến nhà ông S 02 lần như ông S trình bày, việc các con không đồng ý đi với mẹ chỉ là lời trình bày của ông S.

* Ông Lê Đình S trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 16/9/2024, ông và bà T có lập bản thỏa thuận về việc thăm con, nuôi con sau khi ly hôn. Quá trình thực hiện thỏa thuận này, ông đã và đang hỗ trợ bà T trong việc thăm nom, chăm sóc các con chung nhưng các bé không muốn đi với mẹ. Số lần bà T qua đón con thì ông không nhớ chính xác và những lần đầu

02 bé đều đi với mẹ. Tuy nhiên, đến lần thứ 3 thì 02 bé không đồng ý đi với mẹ nữa. Mỗi lần bà T qua nhà ông hỏi 02 bé có đồng ý qua ở với mẹ không thì các bé bảo không, con muốn ở với ba. Ngày 08/11/2024 bà T đã đến nhà ông 02 lần, lần thứ nhất vào khoảng 16 giờ 30 phút, bà T đã gặp 02 bé, hỏi 02 bé có muốn đi chơi với mẹ không, có muốn tối qua mẹ ngủ không nhưng 02 bé trả lời không và mẹ ông chở 02 bé đi học rèn chữ. Đến tối thì bà T và nhóm người lạ mặt đứng trước cửa nhà hàng xóm cầm điện thoại quay qua gia đình nhà ông, mà chưa xuất trình giấy tờ và chưa được sự cho phép của người được quay nên mẹ ông không tiếp và đóng cửa. Sau đó thì ông không có nhà nên ông không biết. Ngày 15/11/2024 bà T cũng đến nhà ông 02 lần, lần 1 khoảng 16 giờ 15 phút đến 16 giờ 30 phút cũng hỏi 02 bé như vậy nhưng các bé không đồng ý. Đến tối bà T lại đến cùng với nhóm người lạ mặt như lần trước.

Từ tháng 5/2022 bà T ra ở riêng thì ông là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Ngọc Thanh L sinh ngày 11/7/2018 và Lê Nguyên B Lâm sinh ngày 11/9/2019. Từ tháng 11/2024 đến trước ngày 18/5/2025 bà T không đến thăm con. Khi ông yêu cầu bà T hỗ trợ thủ tục giấy tờ để làm thủ tục nhập học cho cháu Bảo L1 nhưng bà T không hỗ trợ. Ông đã hỗ trợ bà T đưa 02 con ra ngoài để bà T gặp và thỏa thuận về việc thăm con, nuôi con nhưng bà T vẫn không đồng ý. Hiện nay ông đang làm công việc văn phòng, thu nhập mỗi tháng khoảng 22 triệu đồng và ông vẫn đang nuôi dưỡng các con tốt, gia đình ông hỗ trợ trong việc đưa đón con. Các cháu được lo ăn uống và học tập đầy đủ. Mỗi ngày ông đều dành thời gian để học tiếng Anh và chơi cùng con. Các cháu vẫn đang phát triển tốt. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên căn cứ khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Đình S cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Bản án dân sự sơ thẩm số 2721/2024/HNGĐ-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã quyết định chấp nhận bà T và ông S ly hôn, ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Ngọc Thanh L sinh ngày 11/7/2018 và Lê Nguyên B Lâm sinh ngày 11/9/2019, bà T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T kháng cáo đối với bản án số 2721/2024/HNGĐ-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, yêu cầu giao 02 con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Ngày 16/9/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm, bà T và ông S đã lập bản thỏa thuận về việc đón con sau ly hôn và bà T rút kháng cáo. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 113/2024/QĐ-PT ngày 16/9/2024 đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự, bản án dân sự sơ thẩm số 2721/2024/HNGĐ-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Tại bản án dân sự sơ thẩm số 2721/2024/HNGĐ-ST ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã ghi nhận nội dung ngày 12/4/2022 bà T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông S tại Tòa án nhân dân Quận 1. Các đương sự trình bày thống nhất nội dung từ tháng 5/2022 thì bà T đã ở riêng nhưng không đưa các con theo cùng, để 02 con chung lại cho ông S nuôi dưỡng. Thời điểm này trẻ Lê Ngọc Thanh L chưa tròn 4 tuổi và trẻ Lê Nguyên Bảo L1 chưa tròn 3 tuổi. Theo bà T trình bày lý do không đưa các con theo là do ông S đánh đập bà, không cho bà đưa con theo, trong khi ông S trình bày là do thời điểm này bà T đang sinh sống tại gia đình ông và dọn ra ngoài ở, để 02 con ở lại. Cho dù là lý do như thế nào thì với trách nhiệm của người mẹ, bà T cần phải biết tại thời điểm này các con chung còn quá nhỏ, chưa thể tự chăm sóc được cho bản thân mà cần phải có người lớn chăm sóc. Khi bà T để 02 con chung lại thì ông S đã nuôi dưỡng các con chung cho đến nay. Các cháu đã phát triển thể chất khỏe mạnh, bình thường, được học tập đầy đủ, kết quả tổng kết năm học 2024- 2025 của cháu Thanh L là học sinh xuất sắc, cháu ngoan Bác H và được giáo viên chủ nhiệm nhận xét tốt về thái độ học tập và hạnh kiểm của cháu, trong khi đó cháu Bảo L1 đạt danh hiệu bé khỏe - bé ngoan.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh tại Ủy ban nhân dân phường H. Tuy nhiên, tại văn bản số 136/UBND ngày 10/02/2025, Ủy ban nhân dân phường H phúc đáp cho biết do đương sự không gửi đơn đề nghị hòa giải tại địa phương nên Ủy ban nhân dân phường không có cơ sở trả lời xác minh của Tòa án.

[2.3] Cả bà T và ông S hiện đang có công việc làm, có thu nhập, theo các sao kê tài khoản ngân hàng do các bên đương sự cung cấp thì bà T hiện đang có thu nhập hằng tháng khoảng hơn 30 triệu đồng, ông S có thu nhập hằng tháng gần 20 triệu đồng. Ông S đang sống chung với gia đình, bà T đang ở nhà thuê. Bà T cho rằng nếu được trực tiếp nuôi con thì bà sẽ nhờ mẹ bà từ Hải Dương vào Thành phố Hồ Chí Minh để phụ bà chăm sóc các cháu. Bà mua nhà để các con ổn định cuộc sống nhưng thực tế đến nay bà T vẫn chưa thực hiện những việc này để chứng minh bà đã chuẩn bị mọi mặt cho việc nuôi con.

[2.4] Bà Thủy cung C 02 vi bằng số 805/2024/VB-TPLQ6 ngày 08/11/2024 và vi bằng số 806/2024/VB-TPLQ6 ngày 15/11/2024 do Văn phòng T1 lập, thể hiện nội dung vào lúc 20 giờ ngày 08/11/2024 và ngày 15/11/2024 bà T đến nhà ông S đón 02 con chung nhưng không được. Theo ông S trình bày, trong 02 ngày này bà T đã đến nhà ông 02 lần, trong khoảng thời gian từ 16 giờ 15 phút đến 16 giờ 30 phút, bà T đã gặp 02 con chung, hỏi 02 cháu có muốn đi với mẹ không nhưng các cháu không đồng ý và đến 20 giờ bà T tiếp tục quay lại cùng nhóm người lạ mặt. Theo bà T trình bày ngày 08/11/2024 và ngày 15/11/2024 bà có đến nhà ông S 02 lần như ông S trình bày, việc các con không đồng ý đi với mẹ chỉ là lời trình bày của ông S.

Ngoài 02 lần lập vi bằng này ra, các bên đương sự trình bày thống nhất từ sau ngày 15/11/2024 đến ngày 18/5/2025, bà T đến thăm con không đều, trong khoảng thời gian này giữa bà T và ông S vẫn trao đổi với nhau qua điện thoại những vấn đề liên quan đến con. Ngày 18/5/2025, bà T đề nghị và ông S đã đưa 02 con chung ra ngoài để bà T được gặp. Bà T cho rằng ông S không thực hiện đúng thỏa thuận cho bà đón con thì ngược lại bà T cũng không thực hiện đúng nghĩa vụ về việc thăm nom, chăm sóc, con chung, không thể cho rằng vì gia đình ông S không cho đón con thì bà T không đến. Xét thấy, việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, nếu gia đình ông S có ngăn cản thì với trách nhiệm làm mẹ, thực sự lo lắng quan tâm đến con thì bà T cần phải thể hiện sự tích cực, thiện chí trong việc thăm nom, chăm sóc con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S cũng đã bày tỏ nguyện vọng hòa giải với bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con nhưng bà T không đồng ý hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử. Ông S cũng đề nghị đưa các con chung ra ngoài để bà T gặp, nếu các cháu đồng ý đi với mẹ thì bà T chở các cháu đi nhưng bà T cũng không đồng ý và có ý kiến là việc ông S cho rằng chở 02 con đến cho bà thì cũng không ai dám chắc là trên đường đi ông S bảo con không được đi với mẹ.

Do đó, có cơ sở xác định bà T không có thiện chí phối hợp với ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không xuất phát từ quyền và lợi ích chính đáng mọi mặt của con chung.

Theo quy định tại điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn “*Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây: a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con; b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.*”

Trong vụ án này, các bên đương sự không có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Như đã phân tích ở trên thì hiện nay 02 cháu Thanh L, Bảo L1 đã ổn định nơi sinh sống học tập, các cháu đang được nuôi dưỡng và chăm sóc đầy đủ, ông S không cản trở quyền thăm nom con của bà T. Ông S cũng

có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Theo quy định của pháp luật thì cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Do đó, để bảo đảm ổn định cuộc sống của các con chung, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con sẽ làm ảnh hưởng không tốt đến tâm lý của trẻ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T không được chấp nhận nên bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 82; Điều 83; khoản 2, khoản 3 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với 02 con chung là Lê Ngọc Thanh L sinh ngày 11/7/2018 và Lê Nguyễn B Lâm sinh ngày 11/9/2019.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0067907 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Đình S có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được

sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Thủy

